

Số: 03/2022/QĐST-DS

Thủy Nguyên, ngày 22 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 103/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông A, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đ, sinh năm 1944; địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

- Bà S, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

- Anh C, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

- Chị E, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Núi 1, xã Thủy Đường, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

- Bà P, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

- Anh O, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

- Anh U, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

- Chị X, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 6, xã Lại Xuân, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

- Anh Q, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

- Bà L, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm Nam, xã V, thị xã Y, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

- Chị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm Nam, xã V, thị xã Y, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

- Anh H, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm Nam, xã V, thị xã Y, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

- Anh V, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm Nam, xã V, thị xã Y, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

- Anh S, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm Nam, xã V, thị xã Y, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

- Ông G, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 08 tháng 10 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp giải quyết việc dân sự người yêu cầu giải quyết việc dân sự là ông A trình bày: Bố mẹ đẻ của ông A là cụ Phạm Văn Đáo (đã chết năm 1973) và cụ Lê Thị Súy (đã chết năm 2007). Cụ Phạm Văn Đáo và cụ Lê Thị Súy sinh được 07 người con đẻ gồm bà Phạm Thị Đức; ông Phạm Văn Chính (đã chết năm 1979) có vợ là bà Vũ Thị Sấn và 02 người con đẻ gồm anh Phạm Văn Châu và chị E; ông Phạm Văn Thám (đã chết năm 2019) có vợ là bà P và 04 con đẻ gồm anh O, anh U, chị X và anh Q; ông Phạm Văn Trăm (đã chết năm 2019) có vợ là bà L và 04 con đẻ gồm chị H, anh H, anh V và anh S; bà F; ông G; ông A. Cụ Phạm Văn Đáo và cụ Lê Thị Súy không có con nuôi và không có con riêng. Bà F, sinh năm 1956 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng là chị ruột của ông A. Bà F không có chồng và không có con. Năm 2000 bà F đã đi khỏi xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng đến nay chưa lần nào trở về gia đình ở xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng, còn cụ thể bà F bỏ đi từ ngày tháng nào thì ông A không nhớ rõ. Gia đình ông A đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm tin tức của bà F từ người thân gia đình bên nội, gia đình bên ngoại, bạn bè và đăng tin tìm kiếm bà F trên báo Hải Phòng trong 03 số liên tiếp nhưng đến nay vẫn không có tin tức xác thực về việc bà F còn sống hay đã chết. Trước khi bỏ đi bà F có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng. Nay ông A yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố bà F, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú trước khi biệt tích: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng mất tích.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Đức, bà Vũ Thị Sấn, anh Phạm Văn Châu, chị E, bà P, anh O, anh U, chị X, anh Q, bà L, chị H, anh H, anh V, anh S và ông G vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự nhưng có lời khai có trong hồ sơ thống nhất trình bày: Bố mẹ đẻ của ông A là cụ Phạm Văn Đáo (đã chết năm 1973) và cụ Lê Thị Sứy (đã chết năm 2007). Cụ Phạm Văn Đáo và cụ Lê Thị Sứy sinh được 07 người con đẻ gồm: Bà Đ; ông Phạm Văn Chính (đã chết năm 1979) có vợ là bà Vũ Thị Sấn và 02 người con đẻ gồm anh Phạm Văn Châu và chị E; ông Phạm Văn Thám (đã chết năm 2019) có vợ là bà P và 04 con đẻ gồm anh O, anh U, chị X và anh Q; ông Phạm Văn Trám (đã chết năm 2019) có vợ là bà L và 04 con đẻ gồm chị H, anh H, anh V và anh S; bà F sinh năm 1956, nơi cư trú cuối cùng: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng; ông G; ông A. Cụ Phạm Văn Đáo và cụ Lê Thị Sứy không có con nuôi và không có con riêng. Bà F không có chồng và không có con. Năm 2000 bà F đã đi khỏi xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng đến nay chưa lần nào trở về gia đình ở xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng, còn cụ thể bà F bỏ đi từ ngày tháng nào thì không biết. Gia đình bà F đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm tin tức của bà F từ gia đình bên nội, gia đình bên ngoại, bạn bè của bà F và đăng tin tìm kiếm trên báo nhưng đến nay vẫn không có tin tức xác thực về việc bà F còn sống hay đã chết. Trước khi bỏ đi bà F sinh sống tại xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng. Nay ông A yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố bà F, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú trước khi biệt tích: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng mất tích, đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của ông A.

Tại phiên họp Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 387, Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn yêu cầu của ông A, tuyên bố bà F, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú trước khi biệt tích: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng mất tích. Về lệ phí: Ông A phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Đức, bà Vũ Thị Sấn, anh Phạm Văn Châu, chị E, bà P, anh O, anh U, chị X, anh Q, bà L, chị H, anh H, anh V, anh S và ông G vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự nhưng đều có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Đức, bà Vũ Thị Sấn, anh

Phạm Văn Châu, chị E, bà P, anh O, anh U, chị X, anh Q, bà L, chị H, anh H, anh V, anh S và ông G.

[2]. Về yêu cầu tuyên bố bà F, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú trước khi biệt tích: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng mất tích của ông A: Bà F, sinh năm 1956 có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng. Bà F không có chồng và không có con. Bà F đã đi khỏi xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng từ năm 2000 đến nay chưa lần nào trở về gia đình ở xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng nhưng không xác định được ngày, tháng cụ thể bà F bỏ đi. Gia đình ông A đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm tin tức của bà F từ người thân gia đình bên nội, gia đình bên ngoại, bạn bè và đăng tin tìm kiếm bà F trên báo Hải Phòng trong 03 số liên tiếp nhưng đến nay vẫn không có tin tức xác thực về việc bà F còn sống hay đã chết. Theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Dân sự thì thời hạn 02 năm được tính từ ngày biết được tin tức cuối cùng về bà F nhưng do không xác định được ngày, tháng có tin tức cuối cùng về bà F nên thời hạn 02 năm được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2001. Như vậy xác định bà F đã biệt tích 02 năm liền trở lên. Nay ông A là em ruột của bà F yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố bà F, sinh năm 1956, địa chỉ cư trú trước khi biệt tích: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng mất tích, Tòa án đã ra quyết định thông báo tìm kiếm bà F và thông báo tìm kiếm bà F đã được đăng trên báo Nhân dân trong 03 số liên tiếp (số 24152 ngày 11 tháng 12 năm 2021, số 24153 ngày 12 tháng 12 năm 2021 và số 24154 ngày 13 tháng 12 năm 2021), Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong 03 ngày liên tiếp (ngày 16, ngày 17 và ngày 18 tháng 01 năm 2022). Thời hạn thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích (bà F) là 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên (ngày 11 tháng 12 năm 2021) nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc bà F còn sống hay đã chết. Vì vậy căn cứ Điều 68 của Bộ luật Dân sự; Điều 387, Điều 388 và Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của ông A, tuyên bố bà F, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú trước khi biệt tích: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng mất tích.

[2]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông A phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 387, Điều 388 và Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bà F, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú trước khi biệt tích: Thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng mất tích.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông A phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007665 ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng. Ông A đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định giải quyết việc dân sự được thông báo, niêm yết. Viện Kiểm sát nhân dân huyện N có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã S, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thu Hiền

